

Bản án số: 12/2018/HS-ST  
Ngày: 26-4-2018

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Kim Dung

*Thẩm phán:* Ông Lê Hùng Cường

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Kiều Thị Kim Dung
2. Ông Võ Văn Thới
3. Bà Lê Phan Ngọc Rỹ

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Nhàn – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 31/2017/TLST-HS ngày 10 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2018/HSST-QĐ ngày 25/01/2018 đối với bị cáo:

**Trà Hữu N**, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Ấp Z, xã TL, huyện MH, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trà Văn Bé B, sinh năm 1958 và bà Lê Thị D1, sinh năm 1958; Vợ: Huỳnh Thị Thúy D, sinh năm 1980; có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2006; Anh chị em ruột có 04 người, lớn nhất sinh năm 1980, nhỏ nhất sinh năm 1991. Tiền sự: Không; tiền án: Không;

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 19/7/2017 (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Bà Huỳnh Thị Thúy D, sinh năm 1980; Địa chỉ: Ấp Z, xã TL, huyện MH, tỉnh Long An (Có mặt).

Người bào chữa: Luật sư Nguyễn Cao T1 – Văn phòng luật sư A thuộc Đoàn luật sư tỉnh Long An là người bào chữa chỉ định cho các bị cáo Trà Hữu N. (Có mặt)

- Bị hại: Lê Văn T, sinh năm 1980; địa chỉ: Ấp Z, xã TL, huyện MH, tỉnh Long An. (Có mặt)

Người làm chứng:

1. Nguyễn Văn T2, sinh năm 1964; (Vắng mặt)
2. Trần Thị C, sinh năm 1963; (Vắng mặt)
3. Lê Ngọc H, sinh năm 1987; (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp MK, xã TT, huyện MH, tỉnh Long An.

4. Trần Văn T3, sinh năm 1985; (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp Z, xã TL, huyện MH, tỉnh Long An.

5. Bùi Thế K, sinh năm 1972; (Vắng mặt)

6. Nguyễn Thị T4, sinh năm 1980; (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã TL, huyện MH, tỉnh Long An.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào 22 giờ 30 phút ngày 11/02/2017, anh Bùi Thế K, ngụ tại ấp X, xã TL, huyện MH có điện thoại rủ Trà Hữu N đến nhà anh Nguyễn Văn T2 ngụ cùng ấp để uống rượu và karaoke, N đồng ý. Sau đó, N điều khiển xe mô tô đến nhà anh T2. Đến nơi, N thấy một số người đang hát karaoke gồm có: anh T2 cùng vợ là Trần Thị C, Bùi Thế K cùng vợ là Nguyễn Thị T4, Huỳnh Thị Thúy D là vợ N và anh Lê Văn T. N ngồi uống rượu được 10 phút thì ra về. Về đến nhà, do nhớ lại lúc tại nhà anh T2, vợ N là chị D có hát karaoke chung với anh T, nên trong lòng ghen tức, N uống thêm 03 ly rượu nữa, sau đó lấy 01 cái kéo bằng kim loại (kéo dùng để làm cá) giấu vào trong túi quần quay lại nhà anh T2. Khi đến nhà anh T2, N đi thẳng tới sau lưng anh T đang ngồi, bất ngờ rút kéo ra đâm nhiều nhát vào người anh T. Anh T2 chạy đến can ngăn thì bị N đâm trúng vào bụng, chị D từ bên ngoài chạy đến can ngăn cũng bị N đâm trúng vai. Được mọi người can ngăn, N quăng hung khí lại hiện trường bỏ đi đến nhà bạn là anh Lê Ngọc Hậu ngụ cùng ấp với N, sau đó Cơ quan chức năng mời N đến làm việc, N đã thú nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Riêng đối với anh Lê Văn T, sau khi bị N đâm, được mọi người đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa Đồng Tháp Mười.

Tại Giấy y chứng của bệnh viện xác định tình trạng thương tích của anh T như sau:

- Đa vết thương vùng bụng, làm thủng ruột (10 lỗ); vết thương phần mềm căng tay trái.

Tại Bản kết luận Giám định Pháp y về thương tích số 68 ngày 30/3/2017 của Trung tâm Pháp y tỉnh Long An kết luận tỷ lệ thương tích của anh Lê Văn T là 48%.

Ngày 21/3/2017 và ngày 17/4/2017, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Hóa trưng cầu giám định tỷ lệ thương tích của chị Huỳnh Thị Thúy D và anh

Nguyễn Văn T2, tuy nhiên chị D và anh T2 đã có đơn từ chối giám định và không yêu cầu xử lý hình sự đối với Trà Hữu N.

Vật chứng hiện đang thu giữ: 01 cây kéo bằng kim loại (sắt) màu nâu đen, dài 23cm, lưỡi dài 13cm có mũi nhọn.

Vật chứng nêu trên đã được nhập vào kho theo Lệnh nhập kho số 10 ngày 24/7/2017 của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Long An.

Anh Lê Văn T yêu cầu bị cáo bồi thường chi phí điều trị số tiền là 150.000.000đ, hiện chưa bồi thường.

Tại cáo trạng số 33/QĐ-KSĐT ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An truy tố bị cáo Trà Hữu N về tội “Giết người” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Trà Hữu N thừa nhận đã thực hiện hành vi đúng như nội dung bản cáo trạng. Vào ngày 11/02/2017, bị cáo thấy vợ là chị Huỳnh Thị Thúy D hát karaoke chung với anh T tại nhà anh Nguyễn Văn T2 nên trong lòng ghen tức, bị cáo về nhà lấy kéo bằng kim loại giấu sẵn trong người quay lại bất ngờ đâm nhiều nhát vào người anh T, làm cho anh T bị đa chấn thương vùng bụng, thủng ruột với tỷ lệ thương tích 48%. Bị cáo xác định bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An truy tố về tội “Giết người” là đúng, không oan. Về yêu cầu bồi thường của bị hại, bị cáo yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

Bị hại anh Lê Văn T trình bày: Anh làm công chức xã. Từ khi xảy ra sự việc đến nay, vết thương của anh chưa ổn định về tiêu hóa. Anh trở lại công tác tại xã sau 25 ngày (10 ngày điều trị và 15 ngày nghỉ). Anh yêu cầu bị cáo bồi thường cho anh các khoản:

- Tiền điều trị vết thương ở Bệnh viện đa khoa khu vực Đồng Tháp Mười là 1.100.000 đồng;
- Tiền điều trị vết thương ở Bệnh viện đa khoa Long An là 11.426.000 đồng;
- Tiền mất thu nhập cho 03 người nuôi bệnh trong 10 ngày là 6.000.000 đồng gồm vợ (giáo viên), cha (lao động tự do thu nhập 200.000đồng/ngày) và mẹ của bị hại (nội trợ);
- Tiền ăn cho 03 người nuôi bệnh trong 10 ngày là 3.000.000 đồng;
- Tiền thuê người giữ con trong 10 ngày là 2.000.000 đồng;
- Tiền bồi dưỡng trong 01 năm là 36.000.000 đồng;
- Tiền giảm sút thu nhập về mặt kinh tế đối với 03ha ruộng trong 01 năm là 100.000.000 đồng;
- Tiền thẩm mỹ vết thương là 40.000.000 đồng (chưa thực hiện);
- Tiền thuê xe từ bệnh viện về nhà là 900.000 đồng;
- Tiền thuê xe 02 lần đi tái khám là 1.000.000 đồng;

Tổng cộng là 201.426.000 đồng, nhưng anh chỉ yêu cầu bị cáo có trách nhiệm bồi thường 150.000.000 đồng. Về trách nhiệm hình sự, yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo là bà Huỳnh Thị Thúy D trình bày: Chị có cãi nhau với bị cáo và có bỏ nhà đi khoảng 3-4 ngày trước khi xảy ra sự việc, ngày xảy ra sự việc chị có hát karaoke cùng anh T để chọc tức bị cáo. Bị cáo bị bệnh tâm thần, uống thuốc thường xuyên, có lần lột hết quần áo đi ra ngoài đường. Chị không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại, chị yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật. Sau khi vụ việc xảy ra, chị có thay mặt bị cáo nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Long An số tiền 15.000.000đ để khắc phục hậu quả, đây là tiền từ tài sản chung của vợ chồng chị và không yêu cầu bị cáo trả lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu: Hành vi của bị cáo thể hiện tính chất côn đồ, chỉ vì nguyên nhân nhỏ nhặt, ghen tuông vô cớ, nên bị cáo bức tức trong lòng mà bị cáo quyết tâm cướp đoạt mạng sống của bị hại. Hành vi của bị cáo bị truy tố về tội “Giết người” là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, trong khi lượng hình cũng cần xem xét những tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: bị cáo thật thà khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo tác động gia đình bồi thường khắc phục một phần hậu quả; hậu quả chết người chưa xảy ra; hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, hộ cận nghèo; có ông nội và ông ngoại là người có công với cách mạng, có cậu ruột là liệt sĩ; bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93; Điều 18; điểm b, p, n khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Trà Hữu N từ 07 đến 09 năm tù về tội “Giết người”. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, tịch thu tiêu hủy 01 cây kéo bằng kim loại (sắt) màu nâu đen, dài 23cm, lưỡi dài 13cm có mũi nhọn là hung khí trong vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Đối với yêu cầu của bị hại về trách nhiệm dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận đối với các khoản: tiền điều trị vết thương, tiền mất thu nhập đối với người nuôi bệnh là cha bị hại trong 10 ngày, tiền thuê xe đi lại và tiền thuê người giữ con trong 10 ngày; chấp nhận một phần yêu cầu của bị hại đối với các khoản tiền bồi dưỡng trong 01 năm và tiền giám sát thu nhập về mặt kinh tế đối với 03ha ruộng trong 01 năm; Đối với các khoản tiền mất thu nhập của 02 người nuôi bệnh là vợ và mẹ của bị hại, tiền ăn cho 03 người nuôi bệnh trong 10 ngày và tiền thẩm mỹ vết thương là không hợp lý nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Đôi đáp với luật sư bào chữa: Các vết thương mà bị cáo gây ra cho bị hại đều nằm ở vùng trọng yếu, nếu không có sự can ngăn của những người xung quanh thì hậu quả giết người đã có thể xảy ra, nên không thể nhận định là bị cáo không có ý thức tước đoạt tính mạng của bị hại. Kết quả giám định thương tích phải căn cứ vào kết luận của cơ quan chuyên môn, Viện kiểm sát không có cơ sở yêu cầu giám định lại.

Luật sư Nguyễn Cao T1 bào chữa chỉ định cho bị cáo phát biểu: Về tội danh: không đồng ý với quan điểm của Kiểm sát viên vì bị cáo không có ý thức tước đoạt

tính mạng của anh T, mặt chủ quan của tội phạm không được cấu thành. Tỷ lệ thương tích 48% là tỷ lệ thương tích tại thời điểm xảy ra vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử cho giám định thương tật vĩnh viễn hiện nay của bị hại. Từ đó thay đổi tội danh thành tội “Cố ý gây thương tích”. Về trách nhiệm dân sự: đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được T2 tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Hóa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tư cách tố tụng: Bị cáo Trà Hữu N bị hạn chế nhận thức và điều khiển hành vi (Kết luận giám định pháp y tâm thần số 191/KL-VPYTW). Bị cáo có vợ là Huỳnh Thị Thúy D nên được xác định là người đại diện hợp pháp của bị cáo.

[3] Về hành vi phạm tội: Qua lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, đã được thẩm tra tại phiên tòa và các chứng cứ khác có đủ cơ sở khẳng định: Xuất phát từ việc vào ngày 11/02/2017, thấy vợ là chị Huỳnh Thị Thúy D hát karaoke chung với anh T tại nhà anh Nguyễn Văn T2 ở ấp MK, xã TT, huyện MH nên trong lòng ghen tức, N về nhà lấy kéo bằng kim loại giấu sẵn trong người, quay lại bắt người đâm nhiều nhất vào người anh T, làm cho anh T bị đa chấn thương vùng bụng, thủng ruột với tỷ lệ thương tích 48%.

[3] Luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng hành vi của bị cáo không xuất phát từ ý thức chủ quan muốn tước đoạt tính mạng của anh T mà chỉ muốn gây tích. Tuy nhiên, qua kết quả hành vi mà bị cáo đã thực hiện cho thấy: Hành vi của Trà Hữu N đã thể hiện tính côn đồ, hung hãn, vô cớ, dùng hung khí nguy hiểm (kéo) đâm nhiều nhất vào vùng nguy hiểm của bị hại, do được nhiều người can ngăn nên bị cáo không thể tiếp tục đâm bị hại T mà còn gây thương tích cho anh T2 và chị D, bị hại thoát chết là ngoài ý muốn của bị cáo.

[4] Hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật Hình sự nên cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan.

[5] Xét tính chất nguy hiểm của hành vi, hậu quả vụ án và nhân thân bị cáo cần áp dụng hình phạt thật nghiêm khắc, buộc cách ly bị cáo một thời gian dài nhất định mới có tác dụng trừng phạt, cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối

cải, khi phạm tội bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi (nhưng vẫn đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự), bị cáo và gia đình đã tự nguyện khắc phục một phần hậu quả, hoàn cảnh gia đình khó khăn, có ông nội và ông ngoại là người có công với cách mạng, có cậu ruột là liệt sĩ (điểm p, q, s khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017).

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường 150.000.000 đồng nhưng chỉ có căn cứ chấp nhận các khoản: Tiền điều trị vết thương tại Bệnh viện đa khoa khu vực Đồng Tháp Mười là 95.000 đồng (Bị hại yêu cầu 1.100.000đ nhưng theo các hóa đơn chứng từ mà bị hại cung cấp chỉ thể hiện số tiền 95.000đ), tiền điều trị vết thương tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Long An là 11.426.000 đồng, tiền mất thu nhập đối với người nuôi bệnh là cha bị hại trong 10 ngày là 2.000.000 đồng, tiền thuê người giữ con trong 10 ngày là 2.000.000 đồng và tiền thuê xe đi lại là 1.900.000 đồng;

Đối với tiền giảm sút về kinh tế: do anh T là công chức nhà nước, thu nhập từ làm ruộng không phải là thu nhập chính nên chỉ có căn cứ chấp nhận một phần là 15.000.000 đồng, chấp nhận một phần tiền bồi dưỡng sức khỏe trong 01 năm là 15.000.000 đồng.

Đối với các khoản tiền mất thu nhập của 02 người nuôi bệnh là vợ và mẹ của bị hại, tiền ăn cho 03 người nuôi bệnh trong 10 ngày và tiền thẩm mỹ vết thương là không hợp lý nên không có căn cứ chấp nhận.

Tổng số tiền mà bị cáo phải bồi thường là 47.421.000 đồng.

[7] Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 cây kéo bằng kim loại (sắt) màu nâu đen, dài 23cm, lưỡi dài 13cm có mũi nhọn.

Vật chứng nêu trên hiện Phòng cảnh sát thi hành án hình sự và Hỗ trợ tư pháp – Công an tỉnh Long An đang quản lý.

[8] Về án phí: Bị cáo Trà Hữu N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

### QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố: Bị cáo **Trà Hữu N** phạm tội “Giết người”.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm p, q, s khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 57; Điều 15; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015;

Xử phạt bị cáo Trà Hữu N 07 năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn tù được tính từ ngày 19/7/2017.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Trà Hữu N để đảm bảo cho việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 591 Bộ luật dân sự năm 2015

Buộc bị cáo Trà Hữu N bồi thường cho bị hại số tiền 47.421.000 đồng, được trừ 10.000.000 đồng đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Long An, bị cáo N còn phải bồi thường tiếp 37.421.000 đồng (Ba mươi bảy triệu bốn trăm hai mươi một nghìn đồng).

Tiếp tục tạm giữ số tiền 10.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000867 ngày 13/10/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Long An để đảm bảo thi hành án.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, người có nghĩa vụ chậm trả tiền thì người đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại điều 357 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

[3] Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy 01 cây kéo bằng kim loại (sắt) màu nâu đen, dài 23cm, lưỡi dài 13cm có mũi nhọn.

Vật chứng nêu trên hiện Phòng cảnh sát thi hành án hình sự và Hỗ trợ tư pháp – Công an tỉnh Long An đang quản lý.

[4] Về án phí: Bị cáo Trà Hữu N phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.871.000 đồng (Một triệu tám trăm bảy mươi một nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai. Bị cáo; đại diện hợp pháp của bị cáo; bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định của Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

**Nơi nhận:**

- TANDCC tại TPHCM (01);
- VKSNDCC tại TPHCM (01);
- VKSND tỉnh Long An (01);
- Cục THADS tỉnh Long An (01);
- Sở Tư pháp tỉnh Long An (01);
- Trại tạm giam CA tỉnh Long An (02)  
(giao cho bị cáo 01 bản);
- Người TGTG khác;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

**Lê Kim Dung**